



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHỰA SÀI GÒN**

**NĂM 2016**

**ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**ĐỊA CHỈ**

**29 VÕ THỊ SÁU, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐT**

**(08) 3820 5944 - (08) 3820 5947**

**FAX**

**(08) 3820 5942**

**EMAIL**

**info@aascs.com.vn**

**Website**

**www.aascs.com.vn**



## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo Ban Giám đốc	03 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
1. Bảng cân đối kế toán	06 - 08
2. Kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 42



## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty **CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Sài Gòn theo Quyết định số 5732/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300766500, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/07/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng môi trường – giao thông vận tải;
- Sản xuất hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng môi trường - giao thông vận tải;
- Mua bán các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi, giải trí – sân khấu nhà hát – sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư;
- Mua bán hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phế liệu (không mua bán tại trụ sở);
- Sản xuất các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite;
- Sản xuất các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi, giải trí – sân khấu nhà hát – sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư;
- Mua bán các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite;
- Kinh doanh các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa;
- Thiết kế chế tạo các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, căn hộ.

**Vốn điều lệ** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là 86.392.080.000 đồng.

### **Danh sách cổ đông sáng lập :**

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước : - Đồng Sơn Tín - Lại Anh Việt - Nguyễn Thị Ánh	Cổ phần phổ thông	3.671.660	36.716.600.000	51,00
2	167 cổ đông khác	Cổ phần phổ thông	3.378.920	33.789.200.000	46,93
3	Công ty TNHH TM Á Châu : Đại diện - Lâm Từ Thanh	Cổ phần phổ thông	138.220	1.382.200.000	1,92
4	Lại Anh Việt	Cổ phần phổ thông	10.540	105.400.000	0,15

**Mệnh giá cổ phần :** 10.000 đồng

**Trụ sở chính** của Công ty tại 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Chi nhánh của Công ty :**

- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn Tại Thành Phố Cần Thơ : Số 60, Quốc lộ 1A, KV2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Xí nghiệp Nhựa Sài Gòn : 50A Phú Định, phường 16, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Cửa Hàng Trưng Bày Giới Thiệu Và Bán Sản Phẩm : 3/21A Quốc lộ 1A, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. (Đã ngừng hoạt động từ ngày

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là **9.663.596.020 VND** (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là **6.610.197.672 VND**).



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2016 là **7.886.411.317 VND** (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2015 là **5.002.077.969 VND**).

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị bao gồm:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/07/2016
Ông Lâm Từ Thanh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/06/2014
Ông Cao Văn Sang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2014
Ông Lê Điền Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2016
Bà Lê Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Cao Văn Sang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/05/2016
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 30/05/2011
Ông Đoàn Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 17/11/2015
Bà Lê Bích Thảo	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 17/11/2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam ( AASCS ) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc

CAO VĂN SANG



Số : 306.....BCKT/TC/2017/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi : - Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn được lập ngày 21/03/2017 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2017  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

**Phó Tổng Giám Đốc**

**Đình Thế Đường**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
0324 - 2013 - 142-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Nguyễn Hoàng Mai**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
1755 - 2013 - 142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>68.894.875.284</b>	<b>68.908.982.668</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.135.954.826</b>	<b>3.039.148.242</b>
1. Tiền	111		3.135.954.826	3.039.148.242
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.800.000.000</b>	<b>6.556.670.086</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	<b>V.2a</b>	2.800.000.000	2.800.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.2b</b>	0	3.756.670.086
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.358.352.705</b>	<b>26.654.707.443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3a</b>	25.638.463.358	16.450.599.490
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4a</b>	6.776.749.332	8.236.974.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5a</b>	4.943.140.015	2.683.832.564
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	0	(716.698.709)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>25.145.593.528</b>	<b>27.027.566.870</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.145.593.528	27.027.566.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>454.974.225</b>	<b>5.630.890.027</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.10a</b>	454.974.225	1.392.748.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	<b>V.11a</b>	0	4.185.503.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	<b>V.16b</b>	0	52.637.626
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>104.283.571.851</b>	<b>97.651.927.861</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	<b>V.3b</b>	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	<b>V.4b</b>	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5b</b>	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>97.886.658.208</b>	<b>96.894.692.395</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.8</b>	97.532.218.208	96.540.252.395
- Nguyên giá	222		154.539.624.274	148.931.366.868
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57.007.406.066)	(52.391.114.473)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.9</b>	354.440.000	354.440.000
- Nguyên giá	228		505.400.674	505.400.674
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(150.960.674)	(150.960.674)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.396.913.643</b>	<b>757.235.466</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	6.396.913.643	757.235.466
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17a	0	0
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.11b	0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>173.178.447.135</b>	<b>166.560.910.529</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.878.166.723</b>	<b>72.144.963.465</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.413.670.598</b>	<b>34.060.467.340</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	6.407.509.715	2.045.464.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	7.788.044.044	389.449.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	5.062.622.064	4.166.601.460
4. Phải trả người lao động	314		326.614.863	456.793.396
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17a	852.895.530	224.429.564
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	6.537.694.318	3.120.759.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	17.311.206.553	23.065.041.472
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	127.083.511	591.927.322
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		0	0
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.464.496.125</b>	<b>38.084.496.125</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15b	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	31.464.496.125	38.084.496.125
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>97.300.280.412</b>	<b>94.415.947.064</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>97.303.280.412</b>	<b>94.418.947.064</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.392.080.000	86.392.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.392.080.000	86.392.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.708.770.000	2.708.770.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		316.019.095	316.019.095
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		7.886.411.317	5.002.077.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.777.184.703)	(1.608.119.703)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.663.596.020	6.610.197.672
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(3.000.000)</b>	<b>(3.000.000)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(3.000.000)	(3.000.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>173.178.447.135</b>	<b>166.560.910.529</b>

Người lập biểu



**TRẦN NHẬT MINH PHƯƠNG**

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG**

Tổng Giám Đốc



**CAO VĂN SANG**





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

ĐVT : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.749.939.700	71.148.069.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.360.000	284.655.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		80.746.579.700	70.863.414.159
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	60.373.958.232	53.880.596.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.372.621.468	16.982.817.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	218.521.978	7.297.553.126
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.325.290.535	2.146.829.763
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.254.650.893	2.146.829.763
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8b	6.145.551.066	6.158.923.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8a	4.761.346.432	7.907.308.051
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.358.955.413	8.067.309.762
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.066.010.753	913.775.040
12. Chi phí khác	32	VI.7	282.801.558	165.198.073
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		3.783.209.195	748.576.967
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.142.164.608	8.815.886.729
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.478.568.588	2.205.689.058
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		9.663.596.020	6.610.197.672
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.119	591
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN NHẬT MINH PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG



CAO VĂN SANG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Năm 2016**

**(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T.M	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		90.042.165.698	76.311.562.538
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(60.314.564.784)	(98.112.395.891)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.174.269.863)	(8.463.451.355)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(1.441.731.870)	(1.033.521.400)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.884.206.174)	(916.765.691)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.872.903.959	3.906.729.625
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.902.212.118)	(16.092.176.591)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>13.198.084.848</b>	<b>(44.400.018.765)</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(23.786.592.558)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	1.023.260.400
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.756.670.086	13.500.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16.258.867.729
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		216.213.636	302.491.455
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.972.883.722</b>	<b>4.298.027.026</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.574.127.737	86.869.977.799
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(47.947.962.656)	(46.637.974.270)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.702.179.029)	(3.819.159.140)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(17.076.013.948)</b>	<b>36.412.844.389</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>94.954.622</b>	<b>(3.689.147.351)</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.039.148.242	6.720.605.130
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.851.962	7.690.463
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3.135.954.826	3.039.148.242

Người lập biểu



**TRẦN NHẬT MINH PHƯƠNG**

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG**

Tổng Giám Đốc



**CAO VĂN SANG**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(Thuyết minh này là bộ phận không tách rời và được đọc chung với các Báo cáo tài chính đính kèm.)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Sài Gòn theo Quyết định số 5732/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300766500, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/07/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là 86.392.080.000 đồng.

#### Danh sách cổ đông sáng lập :

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước : - Đồng Sơn Tín - Lại Anh Việt - Nguyễn Thị Ánh	Cổ phần phổ thông	3.671.660	36.716.600.000	51,00
2	167 cổ đông khác Công ty TNHH TM Á Châu : Đại diện - Lâm Từ	Cổ phần phổ thông	3.378.920	33.789.200.000	46,93
3	Thanh	Cổ phần phổ thông	138.220	1.382.200.000	1,92
4	Lại Anh Việt	Cổ phần phổ thông	10.540	105.400.000	0,15

**Trụ sở chính** của Công ty tại 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Chi nhánh của Công ty :

- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn Tại Thành Phố Cần Thơ : Số 60, Quốc lộ 1A, KV2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Xí nghiệp Nhựa Sài Gòn : 50A Phú Định, phường 16, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Cửa Hàng Trưng Bày Giới Thiệu Và Bán Sản Phẩm : 3/21A Quốc lộ 1A, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. (Đã ngừng hoạt động từ ngày 07/08/2014)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng môi trường - giao thông vận tải;
- Sản xuất hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng môi trường - giao thông vận tải;
- Mua bán các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi, giải trí – sân khấu nhà hát – sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư;
- Mua bán hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phế liệu (không mua bán tại trụ sở);
- Sản xuất các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite;
- Sản xuất các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi, giải trí – sân khấu nhà hát – sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư;
- Mua bán các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite;





- Kinh doanh các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa;
- Thiết kế chế tạo các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, căn hộ.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

- **Danh sách công ty con: Không phát sinh**
- **Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không phát sinh**
- **Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**
  - Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn Tại Thành Phố Cần Thơ : Số 60, Quốc lộ 1A, KV2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.
  - Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Xí nghiệp Nhựa Sài Gòn : 50A Phú Định, phường 16, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  - Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Cửa Hàng Trưng Bày Giới Thiệu Và Bán Sản Phẩm : 3/21A Quốc lộ 1A, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. (Đã ngừng hoạt động từ ngày 07/08/2014)

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính :**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Nhựa là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- 1. Kỳ kế toán năm :** bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** đồng Việt Nam (VND)

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

- Không áp dụng

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán :**

- Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế của các ngân hàng thương mại để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh trong kỳ.
- Công ty áp dụng tỷ giá mua tại ngày 31/12/2016 của ngân hàng thương mại để đánh giá các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ và các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ.
- Công ty áp dụng tỷ giá bán tại ngày 31/12/2016 của ngân hàng thương mại để đánh giá các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ.



**3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền : không áp dụng**

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn , tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính :**

**a. Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua)

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

**c. Đối với các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ

**d. Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu thì chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó; Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**d. Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:**

Không áp dụng

**e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

- Giao dịch hoán đổi cổ phiếu : không phát sinh
- Giao dịch đầu tư dưới hình thức góp vốn: không phát sinh
- Giao dịch dưới hình thức mua lại phần vốn góp: không phát sinh
- Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu: không phát sinh

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu :**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, trích lập dự phòng theo tỷ lệ
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ trích lập thêm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính, Bất động sản đầu tư**

**a. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình**

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 do Bộ Tài Chính ban hành. Thời gian khấu hao được tính như sau:





**b. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính**

- Tài sản cố định thuê tài chính: Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính.

**c. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như tài sản cố định của công ty.

**9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh : không phát sinh**

**10. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh**

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm : Công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, duy tu tài sản cố định và các chi phí khác
- Chi phí trả trước được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để phân bổ hợp lý.
- Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả :**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- + Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty không đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Công ty không ghi nhận nợ phải trả thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty không lập dự phòng nợ phải trả.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính :**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính.

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.





**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Công ty không phát sinh Dự phòng phải trả

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Công ty không phát sinh Doanh thu chưa thực hiện

**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

*a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:*

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

+ Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

+ Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu, sau khi trừ (-) khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

Tại công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần

*b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:*

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

*c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:*

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

*d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

*a. Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

+ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ. Trường hợp bán hàng trả chậm thì phần lãi trả chậm được hoãn lại ở khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" và sẽ ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi đến hạn thu được khoản tiền lãi này.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:**

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/ hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Công ty không phát sinh nghiệp vụ doanh thu hợp đồng xây dựng

**20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm theo nguyên tắc :

- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ này.
- + Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ sau.

**21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.



**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- + Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

**23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty.

**24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**





**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền :</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tiền mặt tại quỹ (*)</b>	<b>566.907.852</b>	<b>504.216.895</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng (**)</b>	<b>2.569.046.974</b>	<b>2.534.931.347</b>
Tiền gửi ngân hàng - VND	2.405.633.954	2.358.552.594
Ngân hàng TMCP Công Thương VN -CN5	1.347.224.074	1.925.172.830
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	130.121.591	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN -CN5 Vay dài hạn		19.427.556
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - SGD1	487.341.619	216.832.550
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -CN HCM	440.946.670	197.119.658
Tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ	163.413.020	176.378.753
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN5-HCM- EUR	473	450
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN5-HCM- USD	8.743.338	165.789.434
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN -SGD 1- USD	2.272.990	2.448.274
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN HCM - USD	152.396.219	8.140.595
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam-CN TpHCM		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 5 - Tp.HCM		
<b>Tổng</b>	<b>3.135.954.826</b>	<b>3.039.148.242</b>

(\*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt và biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2016.

(\*\*) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2016 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

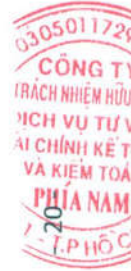
**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số đầu năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý										
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	2.800.000.000	2.800.000.000	0	2.800.000.000	0	2.800.000.000	0	2.800.000.000	2.800.000.000	0	0	0	2.800.000.000	2.800.000.000
- Tổng giá trị cổ phiếu														
+ CTCP Sản xuất dịch vụ thương mại cơ khí														
Đông Phương - 8000 cổ phiếu	800.000.000	800.000.000	0	800.000.000	0	800.000.000	0	800.000.000	800.000.000	0	0	0	800.000.000	800.000.000
+ CTCP Nhựa Tân Tiến - 100.000 cổ phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tổng giá trị trái phiếu														
- Các khoản đầu tư khác														
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư														
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b.1. Ngân hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b.2. Dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(\*): Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc - VND	Giá trị ghi sổ	Giá gốc - VND	Giá trị ghi sổ
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN5 TpHCM(@)	0	0	3.756.670.086	3.756.670.086
<b>Cộng</b>	-	-	<b>3.756.670.086</b>	<b>3.756.670.086</b>

(@) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN5 TpHCM đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Nhựa Sài Gòn tại ngân hàng này.





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.638.463.358</b>	<b>16.450.599.490</b>
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
<i>Ban quản lý dự án hỗ trợ xử lý chất thải các Bệnh viện tỉnh Cà Mau</i>	2.732.636.500	
<i>UBND Tỉnh Hòa Phố</i>	1.675.000.399	1.675.000.399
<i>Công ty TNHH Saplast Vientiane</i>	3.439.721.348	4.439.721.348
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.791.105.111	10.335.877.743
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>401.500.000</b>	<b>0</b>
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	401.500.000	
<b>4. Trả trước cho người bán</b>		
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>6.776.749.332</b>	<b>8.236.974.098</b>
- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản trả trước cho người bán		
<i>Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Phát Lộc</i>	1.500.000.000	
<i>Công Ty CP Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Hợp Nhất</i>		
<i>Công ty Cổ Phần Kiến Trúc PI</i>	2.176.000.000	2.176.000.000
<i>Công ty TNHH Cơ Khí An Bình Tân</i>		2.458.500.000
<i>Công Ty TNHH Trọng Pháp</i>	1.491.600.000	1.791.600.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.609.149.332	1.810.874.098
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

5. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.943.140.015</b>	<b>2.400.000</b>	<b>2.683.832.564</b>	<b>2.400.000</b>
- Phải thu về cổ phần hóa - Tiền mua cổ phần trả chậm 10 năm	254.162.858		83.004.600	
- Ký quỹ ký cược (*)	85.712.940		262.162.500	
- Tạm ứng	4.600.864.217		2.336.265.464	
- Phải thu khác (**)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>(*) Chi tiết ký quỹ ký cược ngắn hạn</b>				
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN5 - TP.HCM	178.305.680		23.004.600	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	30.857.178			
Ký quỹ - Taxi Mai Linh	10.000.000		10.000.000	
Mặt bằng Chi nhánh Căn Thờ	30.000.000		30.000.000	
Mặt bằng Cửa hàng Lũy Bán Bích			15.000.000	
Ký quỹ - Taxi Vinasun	5.000.000		5.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>254.162.858</b>		<b>83.004.600</b>	
<b>(**): Chi tiết phải thu khác ngắn hạn</b>				
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Dự án cao ốc	523.206.409		523.206.409	
Dự án xây dựng TT tái chế chất thải rắn có nguồn gốc	14.033.950		14.033.950	
Phải thu công ty TNHH Saplastic Viên Chăn (Khoản tạm ứng)			326.612.210	
Phải thu công ty TNHH Saplastic Viên Chăn (Khoản thu nội bộ)			87.714.530	
Hộ chung	26.729.646		26.729.646	
Phải thu khác	17.130.469		17.130.469	



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

**Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CNS - TP.HCM	463.174.796		766.293.406		
Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TPHCM	557.240.635		557.240.635		
Công Đoàn cơ sở Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị An Gia	12.330.520		12.330.520		
Công ty TNHH Đại Tân	1.079.295		1.079.295		
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN	3.894.394		3.894.394		
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	2.982.044.103				
<b>Cộng</b>	<b>4.600.864.217</b>	<b>0</b>	<b>2.336.265.464</b>	<b>0</b>	
<b>6. Nợ xấu</b>					
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi			853.802.720	137.104.011	
- <i>Quá hạn trên 3 năm</i>			600.132.469	137.104.011	Công ty TNHH TM DVI K M
- <i>Quá hạn trên 3 năm</i>			87.043.670		Công ty Nam Phong
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu			166.626.581		Các đối tượng khác
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn			853.802.720	137.104.011	
<b>Cộng</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7. Hàng tồn kho	0		0	
- Hàng đang đi trên đường	5.707.552.163		7.937.697.961	
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	0		0	
- Công cụ dụng cụ	379.098.519		256.816.240	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	16.465.081.209		17.061.412.955	
- Thành phẩm	2.593.861.637		1.771.639.714	
- Hàng hóa	0		0	
- Hàng gửi bán	0		0	
- Hàng hóa kho bảo thuế	0		0	
<b>Tổng</b>	<b>25.145.593.528</b>	<b>0</b>	<b>27.027.566.870</b>	<b>0</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất : không có

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ : 15.000.000.000 đồng.

Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : không có



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**8. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.151.899.339</b>	<b>113.099.982.911</b>	<b>3.525.860.618</b>	<b>153.624.000</b>	<b>0</b>	<b>148.931.366.868</b>
- Mua trong năm		9.254.575.918	78.000.000			9.332.575.918
- Đầu tư XDCB hoàn thành	753.290.984	85.588.817				838.879.801
- Tăng khác						0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		(3.119.043.290)				(3.119.043.290)
- Giảm khác	(1.444.155.023)					(1.444.155.023)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.461.035.300</b>	<b>119.321.104.356</b>	<b>3.603.860.618</b>	<b>153.624.000</b>	<b>0</b>	<b>154.539.624.274</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.623.914.635</b>	<b>44.355.741.371</b>	<b>1.257.834.467</b>	<b>153.624.000</b>	<b>0</b>	<b>52.391.114.473</b>
- Khấu hao trong năm	824.273.945	6.455.200.566	356.336.572			7.635.811.083
- Tăng khác						0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		(3.019.519.490)				(3.019.519.490)
- Giảm khác						0
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.448.188.580</b>	<b>47.791.422.447</b>	<b>1.614.171.039</b>	<b>153.624.000</b>	<b>0</b>	<b>57.007.406.066</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
- <b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>25.527.984.704</b>	<b>68.744.241.540</b>	<b>2.268.026.151</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>96.540.252.395</b>
- <b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>24.012.846.720</b>	<b>71.529.681.909</b>	<b>1.989.689.579</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>97.532.218.208</b>

75.692.500.418 đồng

đảm bảo các khoản vay :

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 23.195.800.945 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý : 0

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**9. Tăng giảm Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	354.440.000	0	0	0	150.960.674	505.400.674
- Mua trong năm						0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	354.440.000	0	0	0	150.960.674	505.400.674
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	0	0	0	0	150.960.674	150.960.674
- Khấu hao trong năm						0
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	0	0	0	0	150.960.674	150.960.674
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu năm	354.440.000	0	0	0	0	354.440.000
- Tại ngày cuối năm	354.440.000	0	0	0	0	354.440.000

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 0 đồng

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 150.960.674 đồng

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác: không





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>10. Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>454.974.225</b>	<b>1.392.748.638</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		15.084.181
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		291.247.621
- Chi phí đi vay		
- Các khoản khác	454.974.225	1.086.416.836
+ Chi phí bảo hiểm tài sản cố định		21.257.146
+ Chi phí bảo trì, quản lý tài sản cố định		88.936.510
+ Chi phí tư vấn giám sát		746.526.711
+ Các khoản khác	454.974.225	229.696.469
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.396.913.643</b>	<b>757.235.466</b>
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm		
- Các khoản khác	6.396.913.643	757.235.466
+ Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.896.913.643	
+ Chi phí bảo trì, quản lý tài sản cố định		757.235.466
+ Tiền thuê đất năm 2016 chờ quyết toán	3.500.000.000	
+ Các khoản khác - Phí môi giới chuyển nhượng tài sản, bất động sản	1.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>6.851.887.868</b>	<b>2.149.984.104</b>
<b>11. Tài sản khác</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>4.185.503.763</b>
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	4.185.503.763
+ Số thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	0	4.185.503.763
- Tài sản ngắn hạn khác		
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>4.185.503.763</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	17.311.206.553	17.311.206.553	35.574.127.737	41.327.962.656	23.065.041.472	23.065.041.472
b. Vay dài hạn	31.464.496.125	31.464.496.125		6.620.000.000	38.084.496.125	38.084.496.125
<b>Cộng</b>	<b>48.775.702.678</b>	<b>48.775.702.678</b>	<b>35.574.127.737</b>	<b>47.947.962.656</b>	<b>61.149.537.597</b>	<b>61.149.537.597</b>

(a) Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2016

Đối tượng	Dư nợ gốc vay 31/12/2016 - VND	Hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN TPHCM	17.311.206.553	HD 2000-LAV-201601846	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Điều chỉnh theo từng lần nhận nợ

**Cộng** 17.311.206.553

(b) Chi tiết vay dài hạn tại ngày 31/12/2016

Đối tượng	Dư nợ gốc vay 31/12/2016 - VND	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn vay
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN 5 TPHCM	31.464.496.125	HD 031/2014-HDDTDDDA/NHCT920-SAIGON PLASTIC JSC	10%/năm	84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên

**Cộng** 31.464.496.125

c. Các khoản nợ thuê tài chính : không có

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán : không có

đ. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan : không có

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Diễn giải	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm (*)	Chi quỹ trong năm (**)	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	591.927.322	1.511.663.272	1.976.507.083	127.083.511
<b>Cộng</b>	<b>591.927.322</b>	<b>1.511.663.272</b>	<b>1.976.507.083</b>	<b>127.083.511</b>

(\*) Chi tiết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm:

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Tờ trình số 14/HĐQT-NSG ngày 11/06/2016

Nhận tiền khen thưởng từ Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên

**Cộng trích quỹ**

Chi tiết chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm:	Số tiền
Chi khen thưởng, phúc lợi	1.508.633.272
Chi giao dịch bán hàng và xử lý công nợ khó đòi từ quỹ khen thưởng phúc lợi (@)	3.030.000
<b>Cộng chi quỹ</b>	<b>1.511.663.272</b>
	856.194.588
	1.120.312.495
	<b>1.976.507.083</b>

(@): Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 07/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**14. Phải trả người bán**

Khoản mục	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.407.509.715</b>	<b>4.110.110.215</b>	<b>2.045.464.494</b>	<b>2.045.464.494</b>
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả				
Công ty TNHH MTV TM DV SX Minh Cường Phát	843.238.000	0	996.300.000	996.300.000
Công ty TNHH TM Và Dịch Vụ XNK Vũ Thanh	1.454.161.500			0
Công ty TNHH Sản Xuất Bao Bì Tân Thuận Thiên	4.110.110.215	4.110.110.215	1.049.164.494	1.049.164.494
- Phải trả cho các đối tượng khác	0	0	0	0
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	0	0	0	0
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	0	0	0	0
<b>d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	0	0	0	0

**15. Người mua trả tiền trước**

Khoản mục	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>7.788.044.044</b>	<b>7.788.044.044</b>	<b>389.449.791</b>	<b>389.449.791</b>
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả				
Công ty TNHH Ngân Anh			280.000.000	280.000.000
Công ty TNHH Bimico			51.700.000	51.700.000
Đỗ Thị Thanh Hương	7.200.000.000	7.200.000.000		0
- Các đối tượng người mua trả trước ngắn hạn khác	588.044.044	588.044.044	57.749.791	57.749.791
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	0	0	0	0
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	0	0	0	0
<b>d. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</b>	0	0	0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

<b>a. Phải nộp</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Thuế Giá trị gia tăng	0	1.762.309.591	1.145.737.158	616.572.433
+ Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra	0	1.404.326.565	787.754.132	616.572.433
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	357.983.026	357.983.026	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	6.063.008	6.063.008	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.685.950.673	2.478.568.588	1.884.206.174	4.280.313.087
- Thuế thu nhập cá nhân	0	145.173.374	60.776.830	84.396.544
- Thuế tài nguyên	0	0	0	0
- Thuế nhà đất	0	0	0	0
- Tiền thuế đất	0	3.508.991.740	3.508.991.740	0
- Thuế khác	480.650.787	85.340.000	484.650.787	81.340.000
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>4.166.601.460</b>	<b>7.986.446.301</b>	<b>7.090.425.697</b>	<b>5.062.622.064</b>

**b. Phải thu**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Thuế Giá trị gia tăng	0	0	0	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0
+ Số thuế nhập khẩu phải nộp	0	0	0	0
+ Số thuế nhập khẩu tạm nộp ngắn hạn	0	0	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	52.637.626	52.637.626	52.637.626	0
- Thuế tài nguyên	0	0	0	0
- Thuế nhà đất	0	0	0	0
- Tiền thuế đất	0	0	0	0
- Thuế khác	0	0	0	0
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0	0	0
	<b>52.637.626</b>	<b>52.637.626</b>	<b>52.637.626</b>	<b>0</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>852.895.530</b>	<b>224.429.564</b>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán		
- Các khoản trích trước khác	852.895.530	224.429.564
+ 5% bảo hành hệ thống phòng cháy chữa cháy phải trả	47.500.000	47.500.000
+ 5% bảo hành công trình sân đường nội bộ phải trả	5.978.044	5.978.044
+ Phí kiểm toán	136.363.636	
+ Phí tư vấn đầu tư dự án - Công ty Tín Nghĩa	539.191.891	
+ 5% bảo hành máy ép nhựa	16.225.000	
+ Lãi vay phải trả Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt	57.818.171	76.100.187
+ Lãi vay phải trả Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt		
Nam - Chi nhánh 5	49.818.788	94.851.333
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
<b>Cộng</b>	<b>852.895.530</b>	<b>224.429.564</b>

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>18. Phải trả khác</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.537.694.318</b>	<b>3.120.759.841</b>
- Phải thu khác (số dư có) (*)	3.500.000.000	0
- Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0
- Kinh phí công đoàn	66.435.119	117.387.249
- Bảo hiểm xã hội	114.138.700	105.017.529
- Bảo hiểm y tế	19.391.489	17.834.103
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.779.900	7.926.260
- Cổ tức phải trả (**)	2.411.296.270	2.454.941.860
- Nhận ký quỹ, lý cược ngắn hạn	0	0
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	0	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (***)	417.652.840	417.652.840
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	0	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	0	0
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng</b>	<b>6.537.694.318</b>	<b>3.120.759.841</b>

(\*) Phải trả Bà Đỗ Thị Thanh Hương, tiền ứng trước phí dịch vụ pháp lý đầu tư mặt bằng 242, 226 Trần Phú theo Bản thỏa thuận ngày 06 tháng 09 năm 2016.

(\*\*) Cổ tức năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và tạm ứng cổ tức năm 2016 phải trả.

(\*\*\*) Chi tiết khoản phải trả khác

<b>Đối tượng</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phần trả chậm của CB CNV	411.950.000	411.950.000
Phải trả khác	5.702.840	5.702.840
<b>Cộng</b>	<b>417.652.840</b>	<b>417.652.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

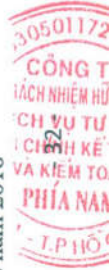
Chi tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>86.392.080.000</b>	<b>2.708.770.000</b>		<b>4.612.091.427</b>	<b>316.019.095</b>		<b>94.028.960.522</b>
- Tăng vốn trong năm trước							0
- Lãi trong năm trước				6.610.197.672			6.610.197.672
- Tăng khác							0
- Giảm vốn trong năm trước							0
- Lỗ trong năm trước							0
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước				(6.220.211.129)			(6.220.211.129)
- Giảm khác							0
<b>Số dư cuối năm trước / Số dư đầu năm nay</b>	<b>86.392.080.000</b>	<b>2.708.770.000</b>	<b>0</b>	<b>5.002.077.969</b>	<b>316.019.095</b>		<b>94.418.947.064</b>
- Tăng vốn trong năm nay							0
- Lãi trong năm nay				9.663.596.020			9.663.596.020
- Tăng khác							0
- Giảm vốn trong năm nay							0
- Lỗ năm nay							0
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)				(6.779.262.672)			(6.779.262.672)
- Giảm khác							0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>86.392.080.000</b>	<b>2.708.770.000</b>	<b>0</b>	<b>7.886.411.317</b>	<b>316.019.095</b>		<b>97.303.280.412</b>

(\*)

**Chi tiết phân phối lợi nhuận năm nay**

Chi thù lao 2016	Số tiền
	245.545.000
Chi thù lao 2015	64.460.000
Chi giao dịch bán hàng bằng thù lao Hội Đồng Quản Trị năm 2016	209.060.000 (@)
Chia cổ tức	4.751.564.400
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	1.508.633.272
<b>Cộng</b>	<b>6.779.262.672</b>

(\*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2016 số 01/NQ-DH/NSG ngày 29/06/2016  
 (@): Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 07/NQ-HDQT ngày 21 tháng 12 năm 2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)	0	49.572.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	86.392.080.000	36.820.080.000
+ Vốn góp của Nhà nước	38.876.000.000	
+ Vốn góp của các đối tượng khác	47.516.080.000	36.820.080.000
<b>Cộng</b>	<b>86.392.080.000</b>	<b>86.392.080.000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.392.080.000	86.392.080.000
+ Vốn góp đầu năm	86.392.080.000	86.392.080.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	86.392.080.000	86.392.080.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	4.751.564.400	4.319.604.000
+ Cổ tức năm trước chia trong năm nay	2.159.802.000	1.727.841.600
+ Tạm ứng cổ tức năm nay	2.591.762.400	2.591.762.400

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2016 số 01/NQ-ĐH/NSG ngày 29/06/2016

**19.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành	8.639.208	8.639.208
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.639.208	8.639.208
+ Cổ phiếu phổ thông	8.639.208	8.639.208
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.639.208	8.639.208
+ Cổ phiếu phổ thông	8.639.208	8.639.208
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (đ/cp)	10.000	10.000

**19.5 Mục đích trích lập các quỹ**

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

**Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh**

**20. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán**

<b>Khoản mục</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Tài sản thuê ngoài		
b) Tài sản nhận giữ hộ		
c) Ngoại tệ các loại	7.104,26	23.924,60
- USD		
d) Vàng tiền tệ		
đ) Nợ khó đòi đã xử lý		
e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán		

**21. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

ĐVT : VND

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	79.731.213.722	70.495.600.274
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.018.725.978	652.468.885
<b>Tổng</b>	<b>80.749.939.700</b>	<b>71.148.069.159</b>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên</b>		
Doanh thu bán hàng	444.336.360	79.844.480
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
+ Hàng bán bị trả lại	3.360.000	284.655.000
<b>Tổng</b>	<b>3.360.000</b>	<b>284.655.000</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.714.402.884	2.592.331.858
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	54.294.418.655	51.201.641.048
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	474.706.796	86.623.663
<b>Tổng</b>	<b>60.483.528.335</b>	<b>53.880.596.569</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	116.257.636	468.643.711
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.956.000	50.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		13.107.899
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.308.342	324.563.536
- Doanh thu hoạt động tài chính khác - Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con		6.441.237.980
<b>Tổng</b>	<b>218.521.978</b>	<b>7.297.553.126</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	1.254.650.893	2.146.829.763
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	701.800	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	456.380	
- Chi phí tài chính khác	69.481.462	
<b>Tổng</b>	<b>1.325.290.535</b>	<b>2.146.829.763</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	978.909.091	907.912.931
- Giá trị còn lại tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(99.523.800)	
- Tiền dịch vụ pháp lý đầu tư mặt bằng (*)	3.000.000.000	
- Các khoản khác	186.625.462	5.862.109
<b>Tổng</b>	<b>4.066.010.753</b>	<b>913.775.040</b>
(*): Đây là khoản thu dịch vụ đầu tư mặt bằng phát sinh ngoài hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng ngày 14/03/2016 về việc chuyển nhượng Quyền thuê đất, quyền sở hữu công trình xây dựng tại số 242, 226 Trần Phú, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh		
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản bị phạt	73.566.558	
- Các khoản khác	209.235.000	165.198.073
<b>Tổng</b>	<b>282.801.558</b>	<b>165.198.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.761.346.432</b>	<b>7.907.308.051</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp		
+ Chi phí nhân viên quản lý	2.243.152.740	2.515.903.088
+ Tiền thuê đất (*)	8.991.740	2.092.206.188
+ Chi phí hoa hồng môi giới		980.774.625
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.509.201.952	2.318.424.150
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>6.145.551.066</b>	<b>6.158.923.140</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán		
+ Chi phí nhân viên bán hàng	2.437.556.822	2.135.040.446
+ Chi phí vận chuyển	1.404.717.566	1.112.530.529
+ Chi phí hoa hồng môi giới	1.001.864.500	
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.301.412.178	2.911.352.165
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(716.698.709)</b>	<b>0</b>
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác (**)	(716.698.709)	
(*) Trong năm 2016, tiền thuê đất phải nộp của công ty là 3.508.991.740 đồng, trong đó, 3.500.000.000 đồng đã được bà Đỗ Thị Thanh Hương trả thay không hoàn lại theo biên bản thỏa thuận ngày 06 tháng 09 năm 2016 và được quyết toán khi hai bên hoàn tất thủ tục đầu tư mặt bằng 242, 226 Trần Phú.		
(**) Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đã trích các năm trước do không đủ điều kiện trích lập theo Biên Bản Thanh Tra Bộ Tài Chính ngày 05/05/2016.		
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.678.454.248	39.443.715.241
- Chi phí nhân công	9.964.217.404	9.115.512.806
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.635.811.083	2.389.690.464
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.524.052.301	8.720.471.937
- Chi phí khác bằng tiền	2.837.658.435	6.030.736.239
<b>Tổng</b>	<b>62.640.193.471</b>	<b>65.700.126.687</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.142.164.608</b>	<b>8.815.886.729</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>253.755.343</b>	<b>1.143.430.957</b>
- Chi phí không có đủ hóa đơn chứng từ theo chế độ quy định	179.732.405	1.143.430.957
- Các khoản phạt	73.566.558	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	456.380	
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(818.963.051)</b>	<b>(374.563.536)</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(99.956.000)	(50.000.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.308.342)	(324.563.536)
- Thu nhập đã tính thuế các năm trước		
- Thu nhập đã tính thuế sau Thanh Tra Bộ tài Chính	(716.698.709)	
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>11.576.956.900</b>	<b>9.584.754.150</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.315.391.380	2.108.645.913
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	163.177.208	97.043.145
+ Thuế TNDN tăng thêm của phần hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi theo BB Thanh tra BTC	157.673.715	



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

+ Thuế TNDN tăng thêm của phần lãi vay theo BB Thanh tra BTC	113.287.080	
+ Thuế TNDN tăng theo CV số 203/NSG-KT ngày 24/11/2016 : hóa đơn không đủ điều kiện khấu trừ thuế	6.155.282	
+ Thuế TNDN giảm do tăng cp thuê đất theo BB Thanh tra BTC	(113.938.869)	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.478.568.588</b>	<b>2.205.689.058</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.663.596.020	6.610.197.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	0	(1.508.633.272)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		(1.508.633.272)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.663.596.020	5.101.564.400
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.639.208	8.639.208
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.119</b>	<b>591</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2016 số 01/NQ-ĐH/NSG ngày 29/06/2016

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Năm 2016, Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng : không phát sinh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường : 35.574.127.737 VND

**4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường : 47.947.962.656 VND

**VIII. Những thông tin khác****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo Hợp Đồng Đặt Cọc Chuyển Nhượng về việc chuyển nhượng Quyền thuê đất, quyền sở hữu công trình xây dựng tại số 242, 226 Trần Phú, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/03/2016, Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn đã đồng ý nhận tiền cọc và đang tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý chuyển nhượng hợp đồng thuê đất thanh toán hàng năm sang hợp đồng thuê đất dài hạn (50 năm) thanh toán tiền thuê đất 1 lần tại mặt bằng 242, 226 Trần Phú, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh tiến tới việc chuyển nhượng quyền thuê đất và tài sản trên đất.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

*Các giao dịch chủ yếu đối với các bên có liên quan*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công Ty đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp - tỷ lệ vốn góp 45%	Bán thành phẩm, hàng hóa	488.769.996
		Thu tiền bán hàng	87.828.928

**4. Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc**

Thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2015 chỉ trong năm 2016: 64.505.000 đồng  
Thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2016 : 454.560.000 đồng

**5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài Chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ : 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**5. Thông tin so sánh**

Điều chỉnh trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay: Không phát sinh

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở Công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng kế tiếp.

**7. Những thông tin khác****7.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2015
<b>Tài sản tài chính</b>						
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.800.000.000	6.556.670.086	0	0	2.800.000.000	6.556.670.086
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	25.638.463.358	16.450.599.490	-	(716.698.709)	25.638.463.358	15.733.900.781
Phải thu khác	4.943.140.015	6.869.336.327			4.943.140.015	6.869.336.327
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.135.954.826	3.039.148.242			3.135.954.826	3.039.148.242
<b>Cộng</b>	<b>33.717.558.199</b>	<b>26.359.084.059</b>	<b>-</b>	<b>(716.698.709)</b>	<b>33.717.558.199</b>	<b>25.642.385.350</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	48.775.702.678	61.149.537.597			48.775.702.678	61.149.537.597
Phải trả cho người bán	6.407.509.715	2.045.464.494			6.407.509.715	2.045.464.494
Các khoản phải trả khác	12.453.211.912	7.511.790.865			12.453.211.912	7.511.790.865
<b>Cộng</b>	<b>67.636.424.305</b>	<b>70.706.792.956</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.636.424.305</b>	<b>70.706.792.956</b>

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chưa niêm yết: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, không có thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu chưa niêm yết này làm cơ sở đối chiếu, so sánh nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của các chứng khoán này.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác được ước tính theo tuổi nợ và khả năng có thể thu hồi được, theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC (thể hiện bằng giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi).

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2016. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**7.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**b. Phải thu khách hàng**

Năm 2016, Công ty có hoạt động kinh doanh xuất khẩu với tỷ lệ thấp, các khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là phải thu khách hàng trong nước. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với khoản công nợ phải thu khách hàng trong nước bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng truyền thống và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Ngoài ra, công ty vẫn theo dõi, phân tích tuổi nợ và khả năng có thể thu hồi được của các khoản công nợ phải thu khách hàng, để trích lập dự phòng đối với các công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (nếu có).

**c. Phải thu khác**

Ban Giám Đốc của Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật công nợ, đơn đốc thu hồi nợ để giảm thiểu rủi ro tín dụng của các khoản công nợ phải thu khác, đánh giá khả năng có thể thu hồi được và trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

**d. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

**e. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.





Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Vay và nợ	17.311.206.553	31.464.496.125	48.775.702.678
Phải trả cho người bán	6.407.509.715	-	6.407.509.715
Phải trả khác và các khoản trích trước	12.453.211.912	-	12.453.211.912
<b>Cộng</b>	<b>36.171.928.180</b>	<b>31.464.496.125</b>	<b>67.636.424.305</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Vay và nợ	23.065.041.472	38.084.496.125	61.149.537.597
Phải trả cho người bán	2.045.464.494	-	2.045.464.494
Phải trả khác và các khoản trích trước	7.511.790.865	-	7.511.790.865
<b>Cộng</b>	<b>32.622.296.831</b>	<b>38.084.496.125</b>	<b>70.706.792.956</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

#### **f. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

#### **g. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do Công ty hầu như không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ cũng như các khoản mục có gốc tiền tệ bằng ngoại tệ cuối kỳ.

#### **h. Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Trong năm 2016, tỷ giá hối đoái của đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ không có sự biến động lớn và Công ty cũng không có rủi ro về ngoại tệ nên Công ty không phân tích chỉ tiêu này.

#### **i. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay và nợ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty chưa áp dụng thêm bất kỳ biện pháp nào để quản lý rủi ro về lãi suất.

#### **j. Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

### **7.3 Những thông tin khác**

#### **a. Thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh**

Ngày 12/05/2016, Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại ở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

**b. Thông tin về các chỉ số tài chính trong năm 2016**

Chỉ số	Cách tính	Năm nay	Năm trước
- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Tổng tài sản / Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn	2,28	2,31
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn	1,55	2,02
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh	TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn trừ hàng tồn kho / Tổng nợ ngắn hạn	0,99	1,23
- Hệ số nợ	Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,44	0,43
- Hệ số nợ trên vốn cổ phần	Tổng số nợ / Vốn cổ phần	0,88	0,84
- Hệ số lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận thuần / Tổng tài sản	0,05	0,05
- Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	Lợi nhuận thuần / Vốn cổ phần	0,10	0,09

**b. Thông tin về thay đổi các chính sách kế toán**

Năm 2016 không có thay đổi lớn trong các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty.

Người lập biểu

**TRẦN NHẬT MINH PHƯƠNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG**

*Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 03 năm 2017*

Tổng Giám Đốc



**CAO VĂN SANG**